



GIÁO DỤC QUỐC TẾ

TƯ LIỆU THAM KHẢO

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC – ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
115 Hai Bà Trưng, Quận I - TPHCM, ĐT: 8355100 - Fax: 8393883, Email: ciecerc@hcm.vnn.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Để giúp các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục, các nhà giáo, sinh viên đại học sư phạm có thêm thông tin về tình hình phát triển giáo dục hiện nay ở các nước trên thế giới, bên cạnh “Bản tin giáo dục” (ra mỗi tháng 2 kỳ), bắt đầu từ tháng 1/2002, Viện Nghiên cứu Giáo dục tổ chức biên soạn thêm bản tin **Tư liệu tham khảo “Giáo dục quốc tế”** bao gồm một số bài viết về các vấn đề quan trọng và có tính thời sự đang đặt ra cho giáo dục ở các nước, được trình bày dưới dạng những bài tổng thuật, lược thuật hay dịch từ nguyên tác.

Trung tâm Nghiên cứu & Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế thuộc Viện NCGD là đơn vị được giao thực hiện bản tin này. Chúng tôi mong nhận được sự cộng tác và ý kiến đóng góp của bạn đọc để không ngừng nâng cao chất lượng của bản tin.

MỘT ĐỊNH NGHĨA LẠI VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG THẾ KỈ 21

Koichiro Matsuura, một nhà hoạt động văn hóa lớn của Nhật Bản, được cử giữ trọng trách Tổng giám đốc Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) từ năm 2001 để thay thế cho người tiền nhiệm là Tiến sĩ Federico Mayor. Trong 5 năm đầu của thế kỉ 21, Tổng giám đốc Koichiro Matsuura đã tiến hành rất nhiều hoạt động phong phú, đa dạng trên các lãnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục với vai trò như một “nhân tố xúc tác” cho sự hợp tác quốc tế trên các lãnh vực này, nhằm “thực hiện các mục tiêu về hòa bình quốc tế và phúc lợi chung của nhân



loại” “(Hiện chương thành lập UNESCO)”.

“**Vai trò của UNESCO trong thế kỉ 21**” _ (The Role of UNESCO in the Twenty-First Century) là một công trình sưu tầm, tuyển chọn 81 bài trong tổng số

hơn 560 bài Diễn văn tiêu biểu của Ô. Koichiro Matsuura với tư cách là Tổng giám đốc UNESCO. Trong số đó có một số bài viết về giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Dưới đây là nội dung trong bài phát biểu về “Trường đại học của thế kỉ 21” (The University of the 21st Century) được đọc tại hội nghị quốc tế về trường đại học của thế kỉ 21 tổ chức tại Mascate (Oman) ngày 17-3-2001. Trong bài này, Koichiro Matsuura đã đưa ra một định nghĩa lại về giáo dục đại học đồng thời qua đó cảnh báo về một số vấn đề mà các nền giáo dục đại học ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, có thể mắc phải trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay.

CẦN CÓ MỘT ĐỊNH NGHĨA LẠI VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trước hết, theo quan điểm của Koichiro Matsuura, trong quá trình đổi mới và cải tiến giáo dục đại học đang được tiến hành ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước thuộc khối Ả Rập (mà tiêu biểu là Oman), vấn đề đầu tiên là phải **định nghĩa lại** về giáo dục đại học, một sự định nghĩa không chỉ căn cứ vào tiêu chí học thuật có tính chất hàn lâm mà còn phải xuất phát từ những đặc trưng và những thách thức của thời đại và thế giới trong thế kỉ 21. Và chính những thách thức ấy không chỉ quyết định nội dung hành động của những thiết chế và hệ thống giáo dục đại học mà nó còn chỉ ra cái trục chính của hành động ấy. Trong quá trình suy nghĩ về đề án mới và sứ mạng mới của các trường đại học, điều cần thiết là phải xây dựng cho được một bộ tiêu chí có

giá trị bao quát tất cả các vấn đề của giáo dục đại học, trong đó nổi bật nhất là ba vấn đề cơ bản sau đây (Ba vấn

đề này cũng được đề cập trong một văn – kiện quan trọng của UNESCO đã được công bố cách đây 10 năm, đó là “Tư liệu định hướng về sự thay đổi và phát triển trong giáo dục đại học”(1995):

- **Tính thích đáng:** Theo Koichiro Matsuura, sự mở rộng một nền giáo dục đại học thích nghi với nền kinh tế tri thức và xã hội hiện đại, không nghi ngờ gì nữa, là một điều cấp thiết và chính đáng. Nhưng khi làm việc đó trường đại học không được phép từ bỏ một trong những chức năng cơ bản của mình là mở rộng, phát triển tư tưởng, tri thức và nghiên cứu độc lập.

- **Chất lượng:** Trong khóa họp lần thứ 47 của Hội nghị quốc tế về giáo dục tổ chức tại Genève (Thụy Sĩ) ngày 11-9-2004, Koichiro Matsuura quan niệm rằng vấn đề “chất lượng” không thể chỉ được giải quyết ở khía cạnh đầu vào và đầu ra như vẫn thường được hiểu mà nó còn liên quan chặt chẽ đến nhu cầu và lợi ích của thanh niên thông qua sự nhận thức và kinh nghiệm của họ. Và một nền giáo dục không quan tâm thực sự đến nhu cầu và lợi ích của thanh niên, cũng như đưa thanh niên tách ra khỏi những thách thức và ham thích học tập, hay đặt họ vào một môi trường bị tẩy chay, bạo lực và phân biệt

đối xử thì không thể xem là một nền giáo dục có chất lượng được. Một nền giáo dục có chất lượng sẽ biết cách làm thế nào để tạo cho người học có khả năng đương đầu với tính bất định cũng như khả năng tạo ra sự cố kết trong tính đa dạng.

- **Quốc tế hóa:** Quá trình toàn cầu hóa như đang diễn ra hiện nay là một thực thể hai mặt có những tác động và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội ở nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển. Trên lãnh vực giáo dục, vấn đề đặt ra là làm thế nào để tận dụng những cơ hội tốt nhất do quá trình toàn cầu hóa đem lại để nâng cao chất lượng giáo dục ở trong nước.

Ba chủ đề chính nói trên tạo ra một khuôn khổ để xác định qui chế và sự vận hành của giáo dục đại học trên các bình diện địa phương, quốc gia và quốc tế. Ngoài ra, để xây dựng một nền giáo dục đại học thích nghi với thế kỉ 21, điều cần thiết là phải hình dung được thế kỉ 21 này sẽ vận hành ra sao, nghĩa là phải biết phóng tầm mắt ra phía trước, càng xa càng tốt và dự báo những chuyển biến. Chỉ có cách nhìn về lâu dài ấy mới chống lại được tính không chắc chắn của tương lai và tạo ra một vài không gian cho hành động trong hiện tại. Để chuẩn bị cho thế kỉ 21 này, chúng ta phải tính đến tính không ổn định và tính phức tạp của các quá trình xã hội và tự nhiên cũng như phải được chỉ đạo bởi những nguyên tắc của công lý và đạo đức.

ĐỊNH NGHĨA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO QUAN ĐIỂM CHỨC NĂNG

Như vậy, theo quan niệm của Koichiro Matsuura, để đưa ra một định nghĩa mới về giáo dục đại học, điều trước tiên là cần phải xác định một tổng thể các mối quan hệ có thể có giữa giáo dục đại học và xã hội với tư cách là một hệ thống luôn vận hành và biến đổi với sự tăng dần về độ phức tạp và tính bất ổn định. Kế đó, căn cứ theo quan điểm chức năng, tái xác định một cách thật cụ thể từng nhiệm vụ của thiết chế giáo dục bậc cao này. Dựa vào sự phân loại chức năng này, có thể xếp tất cả các nhiệm vụ của giáo dục đại học thành hai nhóm chức năng lớn như sau:

A. – Các chức năng xã hội:

1. Trước hết, giáo dục đại học là một bộ phận của quá trình xã hội, góp phần quyết định vào việc định hướng và nâng đỡ các thành phần khác của hệ thống xã hội. Với ý nghĩa đó, giáo dục đại học phải đóng một vai trò sáng tạo và có trách nhiệm trong các quá trình quá độ và xác định lại các xã hội. Chúng ta phải luôn tự hỏi liệu những thiết chế của giáo dục đại học và những hệ thống của nó có đủ sức đối phó với qui mô và sự phức tạp của những nhiệm vụ phải hoàn thành hay không. Hiện nay, các hệ thống giáo dục đại học đang phải trải qua các cuộc khủng hoảng và đương đầu với những vấn đề không có tiền lệ. Vì vậy, nhiệm vụ của các đại học là phải tìm mọi cách để giải quyết những khó khăn nhiều mặt và

những khủng hoảng mà các xã hội phải đối mặt hôm nay và ngày mai.

2. Những tiến bộ đầy ấn tượng của khoa học – kỹ thuật trong thời đại ngày nay, bên cạnh những tác động tích cực của nó, cũng đang đào hố sâu ngăn cách mới trong nội bộ các xã hội cũng như giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Đó là điều mà người ta thường gọi là “khoảng cách điện tử” hoặc “khoảng cách kỹ thuật số”. Đứng trước tình hình như thế, các trường đại học có vai trò quan trọng là lấp đầy các hố ngăn cách ấy. Nếu không làm được như thế, chúng ta sẽ duy trì mãi một thế giới về cơ bản là phản dân chủ và về mặt cấu trúc là không lành mạnh. Không làm gì cả, để mặc cho sự bùng nổ kiến thức khuếch đại lên mãi trong những xã hội giàu có về công nghệ trong khi những nước nghèo càng tụt hậu, thì sẽ dẫn tới những sự bất bình rộng khắp, đe dọa mọi cơ may đi tới một sự hài hoà toàn thế giới và một sự thông cảm quốc tế.

3. Ngày nay, các trường đại học không bao giờ có độc quyền sản xuất ra tri thức hay những công nghệ mới. Các thiết chế khác, như vô tuyến truyền hình, Internet, xuất bản, thư viện, bảo tàng, các viện nghiên cứu, các xí nghiệp công hoặc tư cũng góp phần tích cực vào việc sản xuất, truyền bá tri thức và thông tin. Tình hình này đòi hỏi các trường đại học phải suy nghĩ lại về chiến lược của mình và đối mặt với các cách thức

GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TƯ LIỆU THAM KHẢO)

mới để giải quyết các vấn đề quản lý, quản trị, đối tác, tài chính và cộng tác.

B. – Các chức năng tri thức - văn hóa:

4. Một trong những chức năng cơ bản nhất và thường được các nhà giáo dục nhấn mạnh (như sự khẳng định của mô hình giáo dục đại học Đức), đó là chức năng làm nơi có khả năng mở mang tư tưởng và nghiên cứu độc lập, hay nói cách khác, đó chính là chức năng “mở rộng không ngừng ranh giới của tri thức”. Mọi xã hội, trong thực tế, đều cần đến những khoảng không gian cho óc tò mò và sức sáng tạo trí tuệ phát triển, và trường đại học chính là một trong những không gian ấy. Và để cho đại học có thể làm trọn được sứ mệnh trí tuệ của nó, nền tự trị đại học cũng như các quyền tự do học thuật cần phải được tôn trọng đúng mức. Với chức năng trí tuệ này, nền giáo dục đại học cần phải có khả năng tạo ra tư duy phê phán cũng như khả năng phân tích sâu sắc những khúc quanh của những sự thay đổi xã hội, văn hóa và công nghệ.

5. Toàn cầu hóa là một quá trình phức hợp có ảnh hưởng nặng nề đến sự đa dạng văn hóa. Đó là một lực lượng mạnh mẽ không thể đảo ngược được và vấn đề đặt ra là làm thế nào để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác hại đối với sự đa dạng văn hóa. Về vấn đề này, giáo dục đại học cũng có một vai trò quan trọng trong việc duy trì sự đa dạng và phong phú của văn hóa và phải quan tâm làm sao để tinh thần đối tác bình đẳng và đoàn

kết được duy trì trong thế giới của chúng ta.

Trong khi định nghĩa lại về giáo dục đại học trên cơ sở của quan điểm chức năng, K.Matsuura đồng thời cũng nêu ra, một số “bản khoản” của mình về một số khuynh hướng đang thể hiện trong giáo dục ngày nay.

– Điều bản khoản thứ nhất của K.Matsuura liên quan đến điều mà ông gọi là “nguy cơ đánh mất tầm nhìn dài hạn”. Do bản chất của nó, giáo dục đại học đòi hỏi một tầm nhìn dài hạn và những đầu tư không thể tính đến những hiệu quả nhanh chóng, tức thì. Nhưng trong thực tế, những thiết chế và hệ thống giáo dục đại học ở khắp nơi đều xúi giục dùng những giải pháp ngắn hạn có nguy cơ đánh mất tính mục đích và giá trị của đại học. Điều quan trọng là phải tìm ra những giải pháp bền vững để bảo vệ tính toàn vẹn của đại học chứ không phải là phá hoại nó.

– Nguy cơ thứ hai là nền giáo dục đại học hiện nay có thể đánh mất đi phần nào bộ mặt nhân bản của nó. Với sự tiến bộ của khoa học, công nghệ thông tin, hơn bao giờ hết, các trường đại học có nhiều thuận lợi nhất trong việc áp dụng các phương pháp và hình thức giáo dục mới (giáo dục từ xa, “giáo dục ảo”) để mở rộng cánh cửa đại học và tạo ra những kinh nghiệm kích thích rèn luyện. Nhưng chúng ta cần phải chú ý là đại học phải là nơi gặp gỡ của không chỉ là

những ý tưởng mà là những con người. Tầm lưới quan hệ phong phú, đa dạng giữa những con người trong trường đại học có tầm quan trọng chủ yếu trong việc thực hiện những mục tiêu của nó; và bằng tất cả những phương tiện có thể, chúng ta phải tránh nguy cơ cái “thực” có thể bị thay thế bởi cái “ảo”.

– Nguy cơ thứ ba là sự cân đối giữa các bộ môn và phân khoa có thể bị phá vỡ cũng như sự ngăn cách giữa dạy học và nghiên cứu có thể trở thành một rào cản gây trở ngại cho cả hoạt động dạy học lẫn hoạt động sáng tạo của các trường đại học. Điều này sẽ trở thành một sự tiến triển tiêu cực cho cả người dạy lẫn sinh viên. Có cơ sở để đặc biệt lo ngại về những khó khăn mà các trường đại học ở nhiều nước đang phát triển gặp phải trong việc tài trợ lâu dài cho các chương trình nghiên cứu dựa vào các nhu cầu và các vấn đề địa phương.

– Cuối cùng, điều cần phải đề phòng là khuynh hướng quan trọng hóa quá mức mà các trường đại học có thể đặt vào vấn đề việc làm. Sự cần thiết phải mở rộng một nền giáo dục đại học thích nghi với nền kinh tế hiện đại không nghi ngờ gì nữa là cấp thiết và chính đáng. Nhưng khi làm việc đó, trường đại học không thể khước từ chức năng cơ bản và quý báu nhất của mình là tạo ra một không gian rộng rãi cho sự suy tư, khám phá và sáng tạo để mở rộng hơn nữa đường ranh giới của trí thức vốn là một thế giới không có giới hạn. Chính ở trong giai đoạn đầu tiên của thiên niên kỷ thứ ba này, chúng ta có quyền hi vọng về sự tạo lập không phải

chỉ đơn thuần là một thế giới tri thức khoa học thông thường như đã biết, mà cao hơn là có giá trị nữa, đó là một nền minh triết của giáo dục đại học như chúng ta hằng mong mỏi.

Koichiro Matsuura:

TS. Nguyễn Ngọc Thanh dịch

Nguồn: “Vai trò của UNESCO trong thế kỉ 21 (The Role of UNESCO in the 21 st Century), 2005 (tr.177-324)



MỘT VÀI NÉT VỀ BỨC TRANH TOÀN CẢNH GIÁO DỤC TRÊN THẾ GIỚI

“Chúng ta phải tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa sự hiểu biết và hợp tác quốc tế nếu chúng ta muốn giải quyết các vấn đề cấp bách đang đặt ra cho các nước trên thế giới. Và giáo dục, cũng như trong quá khứ, sẽ đóng một vai trò chủ yếu trong nỗ lực quan trọng này”

Jerry Kopp

Giáo dục chiếm một mối quan tâm hàng đầu đối với các nhà lãnh đạo trên thế giới. Các hội nghị thượng đỉnh về kinh tế do các nước phát triển tổ chức, bên cạnh các cuộc thảo luận về vấn đề phát triển ở các nước nghèo, cũng thường đề cập đến các vấn đề giáo dục của thế giới. Trên toàn thế giới, có trên 950 triệu người mù chữ và chiếm hai phần ba trong số đó là phụ nữ. Ngoài ra, còn có trên 100 triệu trẻ em ở lứa tuổi đi học, chủ yếu là các nước nghèo, không có cơ hội để tiếp cận trường học. Rõ ràng là có một nhu cầu to lớn về việc nền giáo dục cần phải được cải thiện và làm cho trẻ em trên toàn thế giới có thể tiếp cận được với giáo dục. Lâu nay, khi nói đến việc so sánh giữa các hệ thống giáo dục, người ta thường tập trung so sánh hệ thống các cường quốc công nghiệp phát triển như Nhật Bản, Pháp, Anh, Đức, Canada, Mỹ, Itali... Chẳng hạn như về vấn đề chuẩn học sinh (sinh viên), một số quốc gia như Nhật Bản, Đức, Pháp đã ban hành chuẩn quốc gia từ lâu, trong khi đó thì ở Anh, chuẩn học sinh được ban hành theo từng địa phương, nhưng hiện nay nước

GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TƯ LIỆU THAM KHẢO)

này cũng đang thực hiện chuẩn quốc gia thông qua một hệ thống trắc nghiệm áp dụng cho nhiều bộ môn khác nhau. Với việc thông qua Mục tiêu năm 2000, Hoa Kỳ cũng đang thực hiện và phát triển chuẩn quốc gia cho học sinh của mình.

Giáo dục ở các nước không chỉ khác nhau ở nội dung chương trình mà còn ở chỗ nội dung này được thực hiện và áp dụng như thế nào. Chẳng hạn như ở Hoa Kỳ, học sinh bậc trung học phải trải qua 1460 giờ trong các lớp học về các bộ môn chính (academic core classes) trong khi học sinh trung học ở các nước công nghiệp khác phải dành nhiều thời gian hơn để học các bộ môn này: ở Đức là 4528 giờ, ở Pháp 3280 giờ và ở Nhật 3170 giờ. Tuy nhiên, cần phải chú ý rằng trong khi học sinh trung học ở Mỹ thường theo học ở các trường trung học tổng hợp (comprehensive high schools) thì ở các nước Pháp, Đức và Nhật học sinh thường theo học ở nhiều loại hình trường học khác nhau. Vì vậy, khi tiến hành so sánh học sinh ở Hoa Kỳ và những nước này, người ta cần dựa vào một tiêu chuẩn chung là học thuật lý

thuyết chứ không phải là kỹ thuật hoặc kinh doanh.

Nhiều vấn đề giáo dục mà Hoa Kỳ phải đối phó cũng là những vấn đề mà các nước khác đang gặp phải. Theo tác giả Kopp, “căn nguyên các vấn đề giáo dục của các nước trên thế giới là giống nhau một cách kỳ lạ, mặc dù những nước này có một nền lịch sử, một nền văn hóa và một cấu trúc xã hội hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên lý do trực tiếp của các vấn đề này là hoàn toàn khác nhau và dẫn đến những nỗ lực và giải pháp khác nhau”

GIÁO DỤC Ở CÁC NƯỚC BẮC MỸ

Nhìn chung, hệ thống giáo dục ở ba nước lớn ở Bắc Mỹ là Hoa Kỳ, Canada và Mêhicô là hoàn toàn khác nhau. Ở Canada, nền giáo dục chịu ảnh hưởng nhiều từ Anh quốc, Hoa Kỳ và cả New Zealand và Australia. Mỗi năm, học sinh Canada có 190 ngày học so với 180 ngày ở Mỹ. Việc quản lý giáo dục thường do các tỉnh hoặc các bang phụ trách trong khi đó chính quyền liên bang có rất ít ảnh hưởng đến trường học. Hệ thống giáo dục ở Canada cũng gồm có ba cấp: cấp tiểu học bao gồm từ lớp 1 đến lớp 5, cấp trung học cơ sở bao gồm từ lớp 6 đến lớp 8, và cấp phổ thông có bốn lớp là lớp 9, 10, 11 và 12.

Ở Canada học sinh được dạy theo một phương pháp được gọi là “phương pháp phát triển” (development approach) theo đó, giáo viên phải nắm vững tình hình và đặc điểm của học sinh

và làm mọi cách để học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động học tập do mình quản lý. Phương pháp này nhấn mạnh đến vai trò cá nhân của người học và ngoài ra, phương pháp này cũng đặc biệt chú trọng đến sự tích hợp các bộ môn khoa học khác nhau cũng như quan tâm đến việc xây dựng và phát triển các dự án học tập của từng nhóm nhỏ học sinh.

Giống như nhiều nước khác, Canada có cả trường công lập lẫn trường tư thục. Có đến 40% học sinh Canada theo học ở các trường tư thục tôn giáo và những trường này được tài trợ từng phần hoặc toàn phần bởi tiền thuế. Trên 90% các trường tôn giáo tư thục này thuộc về đạo Công giáo và hầu hết đều ở tỉnh Québec. Ở đây, đa số dân cư đều nói tiếng Pháp và các học sinh nói tiếng Pháp được học tiếng Anh mỗi ngày một giờ trong khi các học sinh nói tiếng Anh thì học tiếng Pháp cũng mỗi ngày một giờ.

So với Hoa Kỳ và Canada, hệ thống giáo dục ở Mêhicô có tính chất ít phức tạp hơn và cũng có ít yêu cầu được đặt ra cho giáo viên và học sinh. Mêhicô cũng tồn tại song song hai hệ thống trường công lập và trường tư và đa phần các trường tư đều được điều hành bởi giáo hội Công giáo. Sự phân hóa giai cấp trong nền giáo dục Mêhicô được thể hiện rất rõ qua việc những gia đình giàu có ở Mêhicô thường gửi con em của mình theo học ở các trường tư có chất lượng cao trong khi phần đông trẻ con nhà nghèo phải theo học ở các trường công có chất lượng thấp. Đường vào đại

học ở Mêhicô cũng bị giới hạn, chỉ dành cho một thiểu số. Vì vậy, các thành phần xã hội thuộc lớp dưới rất ít có hi vọng cải thiện cuộc sống của mình thông qua con đường giáo dục.

GIÁO DỤC Ở CHÂU ÂU

Hiệp ước Cộng đồng Châu Âu đã có một ảnh hưởng nhất định đối với các chương trình giáo dục của một số nước thành viên. Hiệp ước Maastricht khuyến khích các nước thuộc Cộng đồng Châu Âu chia sẻ thông tin với nhau về các vấn đề giáo dục. Các điều khoản về giáo dục của Hiệp ước bao gồm “sự phát triển một nền giáo dục có chất lượng bằng cách khuyến khích sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên”, và trong khi tôn trọng quyền và trách nhiệm của mỗi nước trong việc giáo dục học sinh của mình, các nước cũng được khuyến khích “chia sẻ nội dung dạy học và cách thức tổ chức hệ thống giáo dục và sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ của các nước này. Thông qua hiệp ước này, các chương trình giao lưu, trao đổi giáo viên và học sinh cũng được xây dựng và thực hiện. Các chương trình giáo dục từ xa, một loại chương trình dựa trên công nghệ hội nghị từ xa (teleconferencing) có khả năng nối kết giữa một lớp học ở Pháp và một lớp học ở Bỉ, cũng được khuyến khích phát triển.

Một trong những quốc gia Châu Âu có nền giáo dục tiên tiến nhất là nước Đức. Trẻ em ở Đức bắt đầu đến trường tiểu học (gọi là Grundschule) từ lúc 6 tuổi và cấp này kéo dài tới 4 năm. Sự nổi tiếng của người Đức về tính ngăn

nắp, trật tự và xuyên suốt đã được chứng minh và thể hiện rõ rệt ngay từ cấp tiểu học, thông qua các tài liệu, sách vở, bài làm của học sinh cũng như các dự án thủ công và các bài tập làm ở nhà. Ở nhà trường, trong các kế hoạch làm việc của từng ngày, giáo viên luôn yêu cầu học sinh phải hoàn thành không phải từng phần mà **là toàn bộ công việc** (whole job). Có thể nói học sinh ở Đức được giáo dục và rèn luyện tinh thần hệ thống ngay từ cấp học nền tảng này.

Sau khi hoàn thành cấp tiểu học, các học sinh lớp 5 và lớp 6 theo học một loại trường 2 năm gọi là Orientierungsstufe là loại trường đặt trọng tâm vào việc định hướng và chuẩn bị cho học sinh theo học bậc trung học, và các trường thuộc bậc trung học này bao gồm ba loại khác nhau là bậc thấp, bậc giữa và bậc cao. Nếu so sánh với nền trung học ở Mỹ, học sinh ở Đức có thể chia ra làm ba loại chính tùy theo khuynh hướng nghề nghiệp của họ. Những học sinh có năng khiếu về các bộ môn khoa học căn bản thì thường đăng ký học ở một loại trường gọi là Gymnasium, còn những học sinh có khả năng về kỹ thuật hoặc quản lý thì theo học ở loại trường Realschule, trong khi đó phần còn lại của học sinh thì theo học ở một loại trường chính gọi là Hauptschule. Trong những năm gần đây, các bậc phụ huynh ở Đức thường khuyến khích con em ở mình theo học ở những trường này đã tăng lên rất nhiều. Từ lâu, nền giáo dục của nước Đức đã

nổi tiếng là một nền giáo dục có chuẩn mực cao về phương diện học thuật.

Hiện nay, các nhà giáo dục của Đức đang thiết kế lại các chương trình giáo dục cho phù hợp hơn với một nước Đức thống nhất và với một Châu Âu đang tiến mạnh trên quá trình nhất thể hóa về nhiều phương diện, từ kinh tế đến chính trị.

So với các nước Châu Âu khác, nước Anh là một quốc gia có ý thức rõ rệt về giai cấp xã hội và điều này có ảnh hưởng nhất định đến giáo dục. Anh cũng là quốc gia sau cùng trong số các cường quốc kinh tế chính của thế giới chấp nhận chính sách miễn phí áp dụng cho tất cả học sinh trung học. Cũng giống như ở Hoa Kỳ, nền giáo dục Anh quốc đang tiến hành các cuộc cải cách quan trọng. Năm 1988, một Đạo luật về cải cách giáo dục đã được Nghị viện Anh thông qua, và Đạo luật này cho phép các trường trực thuộc vào sự quản lý ở địa phương với những quyết định về nhân sự, ngân sách được đưa ra từ một hội đồng địa phương. Một số trường có thể được chọn để được nhận tài trợ trực tiếp từ chính phủ trung ương. Những trường này được khuyến khích thử nghiệm các lý thuyết giáo dục khác nhau.

Ở Anh, trẻ em bắt đầu đi học từ 5 tuổi với 3 năm đầu học ở loại trường gọi là “infant school” và 3 năm sau, cho đến 11 tuổi, học ở một loại trường gọi là “junior school”. Năm học kéo dài 190 ngày với nhiều kỳ nghỉ xen kẽ

trong năm. Nền giáo dục Anh đặc biệt chú trọng đến các hoạt động học tập phù hợp với từng trình độ phát triển của học sinh. Tuỳ theo từng đặc trưng tâm sinh lý của mình mà mỗi học sinh có quyền tự chọn lựa cách học riêng phù hợp với mình, không nhất thiết phải rập theo một khuôn mẫu chung. Ở cấp tiểu học, học sinh được quan tâm đặc biệt đối với từng em, và vì không có một áp lực nào đặt lên cho các em nên tiến trình học ở đây thường diễn ra rất chậm.

Ở tuổi 16, học sinh không còn bị bắt buộc đến trường nữa và vì vậy chế độ giáo dục cưỡng bách cũng chấm dứt từ đây. Không giống như ở Hoa Kỳ, học sinh ở Anh không nhận một văn bằng tốt nghiệp nào chứng tỏ là họ đã hoàn thành bậc trung học. Khi rời trường, ở lứa tuổi từ 16 trở lên, các em này có một trong hai sự lựa chọn: hoặc là tự đi tìm việc làm (là một việc khó vì tỉ lệ thất nghiệp ở Anh vào loại cao) hoặc bước vào một trường dạy nghề, và nếu may mắn và có đủ điều kiện hơn, đi vào một trường đại học. Khác với ở Hoa Kỳ, cánh cửa đại học thường được rộng mở, ở Anh, con đường vào đại học thường gặp rất nhiều trở ngại, khó khăn. Chính vì vậy mà ở Anh, những thanh niên thuộc tầng lớp dưới của xã hội thường nghĩ rằng họ ít có cơ hội để vươn lên các vị trí cao trong xã hội. Đó là điều hoàn toàn khác với nền giáo dục ở Mỹ, nơi mà những học sinh gặp khó khăn về mặt tài chính hoàn toàn nhận được sự giúp đỡ từ các nguồn, các quỹ tín dụng dành riêng cho họ.

GIÁO DỤC CHÂU Á

Ở Châu Á, văn hóa đóng một vai trò quan trọng trong nền giáo dục. Về phương diện giới tính, nền giáo dục ở đây thiên về phái nam hơn là phái nữ, thể hiện qua số lượng giáo viên nam ở cấp trung học và đại học chiếm đa số so với giáo viên nữ. So với Châu Âu, sĩ số học sinh ở mỗi lớp ở các trường Châu Á thường rất cao. Tuy nhiên, vấn đề duy trì trật tự ở lớp được thực hiện tốt hơn và thầy giáo cũng được kính trọng hơn.

Một trong những quốc gia tiêu biểu nhất cho nền giáo dục Châu Á là Nhật Bản, nơi mà nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ các phương diện khác nhau của nền giáo dục. Trên phương diện tài chính, để trang trải các phí tổn giáo dục, nhà nước trung ương đóng góp 50%, và chính quyền sở tại đóng góp 25% cộng với 25% từ nguồn thuế địa phương. Nếu ở Hoa Kỳ và một số nước khác, giáo viên thường chịu trách nhiệm chính về kết quả và thành tích học tập của học sinh thì ở Nhật Bản điều này lại tỏ ra không đúng khi mà giáo viên ở đây thường chỉ khuyến khích học sinh ghi nhớ máy móc những gì học ở trên lớp. Có nhận xét cho rằng một trong những khía cạnh quan trọng nhất của nền giáo dục khoa học ở Nhật Bản là khai phá và tìm ra nhiều con đường, cách thức khác nhau để khắc sâu vào tâm trí học sinh những lý tưởng về cái đẹp và tính trật tự trong thiên nhiên, về tình yêu đối với thiên nhiên cũng như sự điều chỉnh thiên nhiên chứ không phải là chinh phục hoặc tàn phá thiên nhiên.

Ở Nhật Bản, tất cả học sinh ở các cấp đều được dành một khoảng thời gian nhất định cho hoạt động ngoại khóa. Ở cấp tiểu học, hầu hết học sinh đều phải tham gia vào các hoạt động làm vệ sinh trường học dưới sự giám sát của giáo viên. Học sinh cũng thay phiên nhau bưng dọn thức ăn để phục vụ cho các bạn học của mình. Những mối hoạt động tương tác như thế cùng với các hoạt động khác ở câu lạc bộ và các buổi thảo luận trong giờ ăn đều có ý nghĩa giáo dục quan trọng nhằm phát triển các kỹ năng xã hội cho học sinh.

Ngoài ra, có một điểm đáng chú ý trong nền giáo dục Nhật Bản là yêu cầu đặt ra cho chương trình giáo dục ở đây thường rất cao, hướng tới những học sinh đạt thành tích cao trong học tập. Vì vậy, phần lớn học sinh thường không hiểu rõ ràng những gì giáo viên trình bày ở lớp. Sách giáo khoa được biên soạn theo một chương trình chung được ban hành ở cấp quốc gia, và những sách giáo khoa này thường do các công ty xuất bản tư nhân phát hành với những nội dung thường là tương tự với nhau. Chính hội đồng trường ở các địa phương là nơi có quyền quyết định nên sử dụng sách giáo khoa nào trong các trường học ở địa phương của mình.

Học sinh ở Nhật Bản thường được dạy rất sớm rằng thành tích học tập ở các em là một sự phản ánh về chính gia đình của họ. Do đó, điểm cao, học giỏi sẽ mang vinh dự về cho gia đình, còn ngược lại thì đó là một nỗi ô nhục cho cả gia đình. Có lẽ chính vì áp lực tâm lý lớn lao như vậy mà Nhật Bản nổi tiếng

là quốc gia có tỉ lệ học sinh tự tử vì học kém, thi trượt vào loại cao nhất của thế giới. Sự lo lắng gần như thái quá của các bậc phụ huynh Nhật Bản đối với chuyện học hành của con cái thường thể hiện ở những giọt nước mắt vui mừng hoặc lo lắng khi họ cầm trên tay phiếu

báo điểm hoặc kết quả học tập của con em mình.

TS. Nguyễn Ngọc Thanh dịch

Nguồn : Pamela J. Farris:

“Teaching, Bearing the Torch”

(pp. 1-20: Education in Other Countries)



Tư liệu tham khảo Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế mong nhận được sự cộng tác về bài vở, Thông tin và nhận xét góp ý của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong trường.

Mọi thư từ bài vở xin liên lạc:

Trung tâm Nghiên cứu Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế

Viện Nghiên cứu giáo dục (Đại Học Sư Phạm TPHCM)

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

ĐT: 8355100 Fax: 8393883 E-mail: ciecer@hcm.vnn.vn

Website: www.ier.hcmup.edu.vn

LƯU HÀNH NỘI BỘ

